

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Diễm H, sinh năm 1991 (có mặt).

Bị đơn: Ông Trương Quốc T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp G, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 và các văn bản kèm theo bà Cao Diễm H trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2009, bà và ông Trương Quốc T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì giữa bà và ông T mâu thuẫn kéo dài, bất đồng quan điểm. Ông T không lo phụ giúp kinh tế gia đình, không chăm lo cuộc sống vợ con, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay mà không thể hàn gắn. Bà xác định là không còn tình cảm dành cho ông T. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà không thể đoàn tụ gia đình với ông T. Nay bà yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn với ông Trương Quốc T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có một người con chung tên Trương Thế A (giới tính nam), sinh ngày 11/01/2010. Hiện tại cuộc sống bà H đủ

điều chăm sóc con, bà làm công nhân thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng. Bà yêu cầu nuôi dưỡng người con chung không yêu cầu ông Trang cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 01/3/2023 ông Trương Quốc T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Cao Diễm H chung sống với nhau năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Giữa ông và bà Ngọc chung gần đây cuộc sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến không thể tiếp tục cuộc sống chung, cả hai không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Ông xét thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, nay ông đồng ý ly hôn với bà Cao Diễm H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có một người con chung tên Trương Thế A (giới tính nam), sinh ngày 11/01/2010. Ông không đồng ý yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà Cao Diễm H. Do hiện nay điều kiện hoàn cảnh kinh tế ông tốt hơn bà H cụ thể thu nhập từ nuôi tôm mỗi tháng 4.000.000 đồng và làm lơ xe tải mỗi tháng thu nhập khoảng 9.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu nuôi dưỡng người con chung không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trương Quốc T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông T vẫn không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trương Quốc T đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông T không cung cấp chứng cứ gì, ông T vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2009, bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay dẫn không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Cao Diễm H xác định không còn tình cảm dành cho ông T và bà H cương quyết ly hôn. Ông T đồng ý ly hôn theo yêu

cầu của bà H. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Cao Diễm H và ông Trương Quốc T không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Do hôn nhân đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà Cao Diễm H và ông Trương Quốc T không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống có một người con chung tên Trương Thế A (giới tính nam), sinh ngày 11/01/2010. Cả bà H và ông T đều yêu cầu nuôi con chung. Xét thấy cả hai đều có thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên Trương Thế A có ý kiến là nguyện vọng mong muốn ở cùng với bà H nên xem xét chấp nhận yêu cầu của bà H là giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Cao Diễm H phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các điều 9, 14, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Cao Diễm H và ông Trương Quốc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Trương Thế A (giới tính nam), sinh ngày 11/01/2010 cho bà Cao Diễm H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Cao Diễm H phải chịu 300.000 đồng. Bà Cao Diễm H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018588 ngày 07/02/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được đối trừ, chuyên thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Cao Diễm H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Quốc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng